

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ SỬ LIỆU HỌC ĐỐI VỚI SỬ LIỆU HÁN – NÔM: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN

Bùi Hoàng Tân(*)

Tóm tắt: Trong nghiên cứu khoa học lịch sử có rất nhiều phương pháp khác nhau được vận dụng nhằm góp phần làm sáng tỏ hiện thực lịch sử, xử lý sử liệu là một trong số các phương pháp ấy. Tuy nhiên, đối với mỗi loại tài liệu khác nhau đòi hỏi các kỹ thuật chuyên biệt trong xử lý sử liệu học. Bài viết giới thiệu phương pháp xử lý sử liệu học trong nghiên cứu tài liệu địa bạ triều Nguyễn. Kết quả nghiên cứu đề cập đến tiến trình thực hiện phương pháp này và gợi mở một số ý tưởng trao đổi để tích lũy kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

Từ khóa: phương pháp, nghiên cứu lịch sử, sử liệu học, tài liệu địa bạ, lịch sử địa phương

1. GIỚI THIỆU

Tư liệu địa bạ triều Nguyễn là một trong những nguồn tài liệu lưu trữ phong phú lịch sử Việt Nam trên nhiều phương diện “Địa bạ là văn bản chính thức về địa giới và diện tích các loại ruộng đất, các loại hình sở hữu ruộng đất của làng xã được xác lập trên sự khám đạc và xác nhận của chính quyền dùng làm cơ sở cho việc quản lý ruộng đất và thu tô thuế của nhà nước”¹. Nội dung tư liệu địa bạ phản ánh nhiều khía cạnh của đời sống xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn về tình hình sở hữu và sử dụng ruộng đất, kinh tế nông nghiệp, địa lý tự nhiên, địa danh, dân số, tộc người, ngôn ngữ và vấn đề về làng xã Việt Nam... nguồn tư liệu này là di sản văn hóa và lịch sử Hán Nôm quý hiếm, đồ sộ của Việt Nam được bảo tồn và lưu giữ. Vì vậy, nguồn tư liệu địa bạ không chỉ phong phú về số lượng mà còn mang giá trị khoa học trên nhiều lĩnh vực đã tồn tại theo thời gian, đặc biệt địa bạ còn được xem là “quốc bảo” về sở hữu ruộng đất của Việt Nam dưới triều Nguyễn. Do đó, địa bạ có vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn sử liệu có giá trị học thuật phục vụ cho nghiên cứu và học tập Lịch sử.

Để có thể khai thác những thông tin khoa học từ địa bạ, người nghiên cứu cần có phương pháp xử lý sử liệu học chuyên biệt nhằm “gạn đục, khơi trong” nhiều sự kiện lịch sử có giá trị. Phương pháp xử lý sử liệu học là phương pháp nghiệp vụ của ngành sử học được vận dụng để giải quyết các nguồn sử liệu, song đối với mỗi loại nguồn sử liệu khác nhau sẽ có những phương pháp xử lý sử liệu phù hợp. Riêng đối với nguồn sử liệu địa bạ, cần thực hiện các bước: phát hiện và lựa chọn nguồn sử liệu, giải mã thông tin sử liệu, xác định bản gốc và bản sao của sử liệu, phê phán sử liệu. Phương pháp xử lý sử liệu học là “nghiên cứu toàn diện các nguồn sử liệu, phê phán tính xác thực của nguồn, phê phán độ tin cậy của các thông tin từ nguồn, xác định giá trị thông tin lịch sử của nguồn đối với hoạt động nhận thức lịch sử”².

(*) Ths. Bộ môn Lịch sử - Khoa Sư phạm – Trường Đại học Cần Thơ

Email: bhtan@ctu.edu.vn SĐT: 0367.700.588

¹ Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội, tập 1*, Nxb Hà Nội, Hà Nội., tr.7.

² Phạm Xuân Hằng (chủ biên) (2017), *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.53.

2. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

2.1 NGUỒN DỮ LIỆU

Nội dung bài viết được khai thác trên nguồn dữ liệu phong phú và đa dạng:

- Đối với việc nghiên cứu phương pháp xử lý sử liệu học, bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích các tài liệu: *Phương pháp luận sử học* do Giáo sư Phan Ngọc Liên chủ biên bởi “*phương pháp luận sử học là vấn đề cần thiết cho những người học tập, giảng dạy, nghiên cứu lịch sử... Nhằm vững quan điểm phương pháp luận mácxít – leninnít và vận dụng sáng tạo vào công tác sử học để nâng cao chất lượng nghiên cứu, giáo dục bộ môn lịch sử*”³; tài liệu *Phương pháp Sử học: Những nguyên tắc căn bản* của Giáo sư Nguyễn Thế Anh xuất bản lần đầu năm 1974 và được tái bản năm 2018, trong đó đã chỉ rõ phương thức nghiên cứu “*Đi tìm hiểu sự thật, sử gia phải có những tài liệu làm bằng chứng đích xác: đây là một khía cạnh tối cần thiết của sự nghiên cứu sử. Bên cạnh việc tìm hiểu và giải thích, còn phải cần cù thu góp, phê bình các tài liệu khảo chứng, nghĩa là những vật liệu sẽ được dùng để đi đến sự tổng hợp. Sự tổng hợp này chỉ có giá trị nếu có được những phương pháp phê khảo tài liệu vững chắc*”⁴. Bên cạnh đó, giáo trình *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết lịch sử Việt Nam* do Phó giáo sư Phạm Xuân Hằng chủ biên đã góp phần quan trọng về hỗ trợ lý thuyết đại cương về sử liệu học và phương pháp nghiên cứu, phân tích nguồn sử liệu được khai thác.

- Đối với nghiên cứu tư liệu địa bạ bằng phương pháp xử lý sử liệu học, bài viết tập trung khai thác và phân tích các nguồn dữ liệu từ các đơn vị địa bạ Nam Bộ được khai thác tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội). Qua đó có sự đối chiếu với các số liệu với tác giả Nguyễn Đình Đầu trong các công trình nghiên cứu như: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Hà Tiên (Kiên Giang, Minh Hải)* (xuất bản năm 1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – An Giang (An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Sóc Trăng)* (xuất bản năm 1995) và *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh* (xuất bản năm 1994). Đây nguồn dữ liệu tham khảo quan trọng được khai thác trong nội dung bài viết.

2.2 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Bài viết được thực hiện trên cơ sở kết hợp hai phương pháp nghiên cứu chủ đạo là phương pháp lịch sử và phương pháp logic nhằm đảm bảo nội dung lịch sử khách quan và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên môn. Tuy nhiên căn cứ vào chức năng của nguồn sử liệu cần nghiên cứu và phục vụ thực tiễn cuộc sống, bài viết được tiếp cận theo các bước như sau:

- Bước 1: Nghiên cứu lý thuyết về phương pháp xử lý sử liệu học
- Bước 2: Vận dụng lý thuyết về xử lý sử liệu học vào phân tích mẫu địa bạ huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên được lập năm Minh Mạng thứ 17 (1836).
- Bước 3: Nhận xét và trao đổi về kết quả nghiên cứu

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

³ Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2003), *Phương pháp luận sử học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.10.

⁴ Nguyễn Thế Anh (2018), *Phương pháp Sử học: Những nguyên tắc căn bản*, Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr.44.

3.1 Lý thuyết về phương pháp xử lý sử liệu học

3.1.1 Phát hiện, lựa chọn nguồn sử liệu

Việc phát hiện và lựa chọn nguồn sử liệu được xem là khâu quan trọng tạo tiền đề cho việc xử lý sử liệu về sau. Nếu bước phát hiện và lựa chọn nguồn sử liệu tốt và phù hợp thì công trình nghiên cứu sẽ có chất lượng và ngược lại. Tuy nhiên, phát hiện và lựa chọn là hai mặt của vấn đề và có liên quan chặt chẽ với nhau, song lại phụ thuộc vào 3 yếu tố: chủ đề nghiên cứu, giới hạn thời gian và không gian nghiên cứu. Các yếu tố là cơ sở để phân loại thành:

- Phát hiện nguồn sử liệu trực tiếp, nghĩa là nguồn sử liệu được hình thành từ trong quá trình vận động của sự kiện lịch sử, chẳng hạn như địa bạ triều Nguyễn.

- Phát hiện nguồn sử liệu gián tiếp là nguồn sử liệu không phải được hình thành trong quá trình vận động của sự kiện lịch sử mà chỉ gián tiếp phản ánh quá trình đó được thể hiện qua các công trình nghiên cứu sử học về sau. Loại này có thể kể đến các tác phẩm nghiên cứu địa bạ của Nguyễn Đình Đầu, các bài viết phân tích địa bạ của các tác giả Trần Thị Thu Lương, Bùi Hoàng Tân...

- Lựa chọn sử liệu là xem xét và xác định sử liệu trực tiếp hay sử liệu gián tiếp nhằm phân loại sử liệu và thuận tiện cho việc xử lý trong quá trình nghiên cứu.

3.1.2 Giải mã thông tin sử liệu

Đây là bước đọc sử liệu nhằm thu thập được mọi thông tin từ nguồn sử liệu được phát hiện và lựa chọn. Tuy nhiên với nguồn sử liệu khác nhau, có thể được ghi chép với các ngôn ngữ khác nhau, do đó đòi hỏi người nghiên cứu phải đọc và hiểu được ngôn ngữ của sử liệu đó nhằm giải thích được các thông tin được ghi nhận trong sử liệu một cách chính xác nhất có thể. Điều kiện để đọc và giải mã sử liệu cần được xác định:

“- Có thông tin đi qua kênh.

- Có luật mã xác định phương thức mà thông tin phải đi qua kênh.*

- Kênh phải được người thu nhận thông tin biết đến.*

- Người thu nhận thông tin phải nắm được luật mã của các thông tin”⁵.*

3.1.3 Phát hiện sai lầm và đính chính sai lầm

Phát hiện sai lầm trong sử liệu chính là quá trình thẩm định giá trị, xác minh độ chính xác và tin cậy của thông tin sử liệu được giải mã nhằm đính chính sai lệch (nếu có) của sử liệu trước khi đưa vào nghiên cứu. Thông thường có 2 loại sai lầm được phát hiện trong sử liệu:

- Sai có ý thức là loại sai lầm mang tính chủ ý theo những mục đích nhất định về lợi ích kinh tế hoặc chính trị và sử liệu loại này không có giá trị và mất độ tin cậy hoàn toàn trong nghiên cứu. Loại sai lầm này được phân thành: di bản (làm giả toàn bộ) và di văn (làm giả một phần).

- Sai vô thức là loại sai lầm mang tính vô thức, vô ý như các trường hợp tam sao thất bản, lỗi kỹ thuật khi chế bản... Loại sai lầm sử liệu này có thể được đính chính thông nghiên cứu so sánh, đối chiếu với sử liệu gốc hoặc các nguồn sử liệu khác có liên quan.

⁵ Phạm Xuân Hằng (chủ biên) (2017), *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.104.

3.1.4 Xác định bản gốc, bản sao của sử liệu

Xác định bản gốc của sử liệu được thực hiện bằng phương pháp đối chiếu và so sánh với các sự kiện, tư liệu độc lập có độ tin cậy khác. Bên cạnh đó, người nghiên cứu cần thực hiện các bước xác định thời gian, địa điểm ra đời của sử liệu, tác giả của nguồn sử liệu và động cơ phản ánh của sử liệu thu thập được. Ngoài ra, trong quá trình giải mã sử liệu cần chú ý đến ngôn ngữ, văn phong và hình thức của sử liệu, xem xét tính logic với bối cảnh ra đời của sử liệu.

Xác định bản sao của sử liệu bằng phương pháp đối chiếu với bản gốc, trong trường hợp không có bản gốc sử liệu cần nghiên cứu và phân tích kỹ các thể hệ bản sao hoặc bản sao có niên đại gần với bản gốc hơn. Công đoạn xác định bản gốc và bản sao của sử liệu là công việc khó khăn và đặt ra yêu cầu cao đối với hàm lượng tri thức của người thực hiện công việc xác định sử liệu.

3.1.5 Phê phán sử liệu

Phê phán sử liệu hay còn gọi là phê khảo tài liệu⁶ trong nghiên cứu lịch sử có nội hàm là xem xét, thẩm định và phân tích các yếu tố cấu thành sử liệu nhằm đảm bảo tính chính xác trong quá trình khai thác thông tin từ các nguồn sử liệu. Về cơ bản, có 2 cách phê phán sử liệu:

- Phê phán bên ngoài *“là xác định các yếu tố xuất xứ như vật liệu mang tin, tác giả, thời gian, không gian hình thành sử liệu. Điều cốt yếu ở đây là xác định xuất xứ của sử liệu bảo đảm đúng tác giả, đúng thời gian, không gian hình thành sử liệu và thể trạng vật mang tin đúng hay không hoặc mức độ đúng đến đâu. Cái sự “đúng” ấy là cơ sở xác định sử liệu là nguyên bản hay là sao, hay là giả”*⁷.

- Phê phán bên trong *“là xác định yếu tố nội dung sử liệu, sau đó xem xét mức độ tin cậy của các thông tin trong nội dung sử liệu, trước khi nhận định khối lượng thông tin, giá trị của các thông tin trong sử liệu và vị trí của sử liệu trong sự kiện”*⁸.

3.2 Vận dụng phương pháp xử lý sử liệu học đối với tài liệu địa bạ triều Nguyễn

Tài liệu địa bạ triều Nguyễn là kho tàng di sản về văn hóa và lịch sử quý hiếm của lịch sử Việt Nam được bảo tồn và lưu giữ. Nguồn tư liệu này không chỉ phong phú về số lượng mà còn mang giá trị khoa học trên nhiều lĩnh vực đã tồn tại theo thời gian, đặc biệt tư liệu địa bạ còn được xem là “quốc bảo” về chế độ sở hữu ruộng đất của Việt Nam dưới triều Nguyễn. Do vậy, các thông tin từ địa bạ có vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn sử liệu có giá trị học thuật phục vụ cho nghiên cứu và học tập của sinh viên Sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Cần Thơ. Chính vì thế, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn tài liệu địa bạ làm mẫu cho việc vận dụng phương pháp xử lý sử liệu học nhằm định hướng phương pháp khai thác và phân tích nguồn sử liệu này, ngõ hầu giúp sinh viên có được những rung cảm đối với các giá trị lịch sử mà cha ông đã để lại.

3.2.1 Phát hiện, lựa chọn nguồn sử liệu

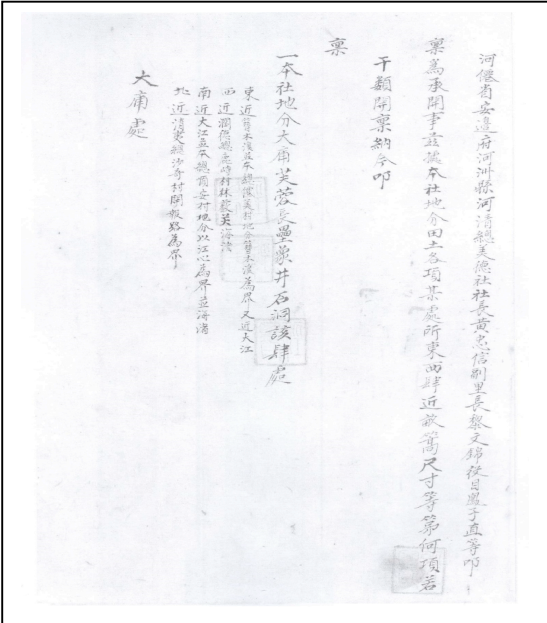
⁶ Nguyễn Thế Anh (2018), *Phương pháp Sử học: Những nguyên tắc căn bản*, Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr.161.

⁷ Phạm Xuân Hằng (chủ biên) (2017), *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.112.

⁸ Phạm Xuân Hằng (chủ biên) (2017), *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.113.

Xác định chủ đề nghiên cứu, mục đích và nội dung nghiên cứu về vấn đề sở hữu ruộng đất ở địa phương thuộc vùng Nam Bộ dưới triều Nguyễn, lấy đó làm cơ sở cho việc lựa chọn nguồn tài liệu địa bạ triều Nguyễn được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (Hà Nội) làm nguồn dữ liệu nghiên cứu chính. Ngoài nguồn tài liệu địa bạ, nội dung nghiên cứu còn được bổ sung bởi các bộ quốc sử chính thống được viết dưới triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Minh Mệnh Chính yếu*, *Khâm định Hội điển sự lệ*... nhằm so sánh và đối chiếu.

Mẫu tài liệu địa bạ xã Mỹ Đức thuộc tổng Hà Thanh, huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên

Hà Tiên tỉnh, An Biên phủ, Hà Châu huyện, Hà Thanh tổng, Mỹ Đức xã, Xã trưởng Huỳnh Trung Tín, Phó lý trưởng Lê Văn Cẩm, Dịch mục Phương Tử Chân đăng khẩu bảm vì thừa khai sự. Tư cứ bản xã địa phận điền thổ các hạng mỗ xứ sở đông tây tứ cận, mẫu cao xích thốn đẳng đệ hạ hạng nhược can loại khai bảm nạp, kim khẩu bảm Bản xã địa phận Đại Phố, Phù Dung Trường Lũy, Tượng Tỉnh, Thạch Động cai tứ xứ Đông cận Trâm Mộc áo tịnh bản tổng Tiên Mỹ thôn địa phận Trâm Mộc áo vi giới. Hự cận đại giang Tây cận Nhuận Đức tổng, Lộc Trĩ thôn, lâm tâu tịnh hải chữ Nam cận đại giang tịnh bản tổng Thuận An thôn địa phận, dĩ giang tâm vi giới, tịnh hải chữ Bắc cận Thanh Di tổng, Sa Kỳ thôn, khai báo lộ vi giới Đại Phố xứ	
--	---

Hình 1: Bản dịch Hán Việt

Hình 2: Một trang bản gốc địa bạ xã Mỹ Đức

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I – Hà Nội

3.2.2 Giải mã thông tin sử liệu

Do đây là tài liệu thuộc loại quý hiếm và độc bản được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, vì thế công đoạn giải mã bước đầu là dịch thuật từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ đã được trung tâm lưu trữ thực hiện và đảm bảo tính chính xác, khoa học cao nhất. Nhiệm vụ giải mã sử liệu tiếp theo là nhóm nghiên cứu khai thác thông tin trong nội dung văn bản đã được chuyển ngữ như xác định niên đại lập địa bạ, xác định vị trí địa lý của xã thôn được ghi nhận trong địa bạ.

Qua địa bạ xã Mỹ Đức đã xác định được diện cách của xã theo cách “tứ cận giáp giới”:

- Trong địa phận xã có Đại Phố, có dãy núi Phù Dung, Tượng Tỉnh và Thạch Động.
- Phía đông giáp với thôn Tiên Mỹ.
- Phía Tây tiếp giáp thôn Lộc Trĩ thuộc tổng Nhuận Đức có rừng chằm và bãi biển.
- Phía nam là lấy sông lớn làm ranh giới với các thôn thuộc tổng Thuận An.
- Phía bắc của xã tiếp giáp thôn Sa Kỳ thuộc tổng Thanh Di.

Đây là cứ liệu quan trọng giúp định vị được xã Mỹ Đức trong huyện Hà Châu và là cơ sở trọng yếu so sánh đối chiếu với các nguồn sử liệu địa phương và kết quả khảo sát thực tế.

Ngoài ra, qua sổ địa bạ còn xác định được kết cấu của địa bạ bao gồm nội dung sau:

- + Phần thứ nhất: Thành phần tham gia lập văn bản.
- + Phần thứ hai: Lý do hay ý nghĩa của văn bản
- + Phần thứ ba: Nội dung của văn bản
- + Phần thứ tư: Ngày, tháng, năm triều vua lập văn bản.
- + Phần thứ năm: Họ và tên, chức danh, chữ ký, điểm chỉ của những người tham gia lập văn bản (ấn triện, lời phê của huyện quan, phủ quan, nếu có). Nếu là bản sao thì còn ghi niên đại năm sao.

Các thông tin kê khai bắt buộc trong địa bạ bao gồm:

- Tên đơn vị hành chính: xã (hoặc thôn, phường, ấp), tổng, huyện, phủ, tỉnh (hoặc trấn, xứ).
- Họ tên các chức dịch kê khai và lập địa bạ.
- Vị trí địa lý: xác định ranh giới của đơn vị hành chính đó với các đơn vị hành chính khác ở 4 phía đông, tây, nam, bắc (hay còn gọi là cách xác định tứ cận).
- Tổng diện tích các hạng công tư điền thổ của xã hoặc thôn đó.
- Diện tích của từng loại: công điền, tư điền, công thổ, tư thổ; loại ruộng, vụ canh tác; diện tích thu thuế và không thu thuế.
- Diện tích, tên gọi, vị trí địa lý của các xứ đồng.
- Diện tích, vị trí địa lý của từng thửa và các chủ sở hữu của thửa đất đó.
- Diện tích đất tam bảo, thần từ, phật, tự, thổ trạch, vườn ao, nghĩa địa, kênh rạch, đường xá...
- Xác nhận và cam kết của các chức dịch lập địa bạ; xác nhận của chức dịch các xã (thôn) lân cận.
- Ngày tháng năm lập và ngày tháng năm sao lập địa bạ đó cùng dấu triện và chữ ký hay điểm chỉ của chức dịch từ xã (thôn), tổng, huyện, phủ, tỉnh và Bộ Hộ.

Các tư liệu địa bạ đều được viết tay trên giấy dó, ngôn ngữ thể hiện là chữ Hán và chữ Nôm và được đóng các dấu triện đặc trưng của thời Nguyễn...

3.2.3 Phát hiện sai lầm và đính chính sai lầm

Địa bạ là loại tài liệu được liệt kê vào danh mục “quốc bảo” của Việt Nam, vì thế việc dịch thuật đã được trung tâm lưu trữ và các chuyên gia Hán – Nôm thực hiện rất cẩn thận và chính xác, tuy nhiên việc sai sót trong văn bản chuyển ngữ là điều không thể tránh, song vẫn được hạn chế đến mức thấp nhất có thể. Mặt khác, những nội dung được ghi chép trong quá trình lập địa bạ đã được sự kiểm duyệt và bút phê của hàng ngũ chức sắc, quan khâm sai thừa lệnh và đóng ấn của hoàng đế, vì thế việc gian dối số liệu trong quá trình xác lập là điều hy hữu.

Căn cứ vào định hướng nghiên cứu sở hữu ruộng đất ở địa phương Nam Bộ, nhóm nghiên cứu đã sử dụng bản dịch từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I nhằm hạn chế đến mức tối đa việc sai sót

trong văn bản địa bạ. Đồng thời việc sử dụng bản dịch của trung tâm sẽ đảm bảo độ chính xác cao về mặt khoa học do có sự kiểm định và phê duyệt từ cơ quan lưu trữ. Do vậy nhóm nghiên cứu sẽ tiết kiệm được thời gian dịch thuật và đảm bảo được giá trị khoa học của tài liệu.

3.2.4 Xác định bản gốc, bản sao của sử liệu

Phần lớn các sổ địa bạ Nam Bộ được lập lần đầu chủ yếu vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Ngoài ra có một số ít được lập vào các năm Tự Đức thứ 1 và 2 (1848 – 1849), năm Thành Thái thứ 5 và 6 (1893 – 1894). Đối với trường hợp địa bạ huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên hoặc địa bạ huyện Phong Phú, tỉnh An Giang mà nhóm nghiên cứu đang thực hiện nhiệm vụ phân tích thì chỉ được lập một lần vào năm 1836. Mỗi tập địa bạ được lập chia thành 3 bản Giáp, Ất, Bính gửi nộp lên Bộ Hộ đóng dấu. Bản Giáp được lưu ở Bộ Hộ, bản Ất lưu ở thành trấn, bản Bính cấp cho các xã giữ. Địa bạ được lập một cách có hệ thống và theo mẫu thống nhất trong phạm vi cả nước. Mỗi địa bạ là một đơn vị hành chính độc lập thường là xã hoặc thôn cũng có khi là ấp, giáp, phường hay trại...

Hiện nay, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I hiện đang lưu giữ bản Giáp của các sổ địa bạ triều Nguyễn và địa bạ huyện Hà Châu, huyện Phong Phú được nhóm nghiên cứu khai thác cũng nằm trong số đó. Vì vậy, bản sử liệu được xác định là bản gốc với đầy đủ các ấn triện của các cấp hành chính phê duyệt và đúng nguyên bản theo mẫu địa bạ quy định của triều Nguyễn.

3.2.5 Phê phán sử liệu

*** *Phê phán bên ngoài:***

Nhóm nghiên cứu xác định thác các thông tin cơ bản của địa bạ triều Nguyễn: đối với trường hợp cụ thể như địa bạ xã Mỹ Đức – tổng Hà Thanh – huyện Hà Châu – tỉnh Hà Tiên được lập năm Minh Mạng thứ 17 (1836), văn bản được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I thuộc bản giáp (theo quy định, địa bạ được thành lập thành ba bản, gọi là giáp, ất và bính. Bản giáp gửi lên triều đình do bộ Hộ quản lý, bản ất lưu tại các trấn – tỉnh, bản bính do làng xã giữ song trải qua thời gian dưới tác động của nhiều yếu tố nên bản ất và bản bính hầu như đã bị hư hỏng và mất mát). Các sổ địa bạ được lập trên chất liệu giấy dó, ngôn ngữ thể hiện là chữ Hán – Nôm. Có 3 kiểu chữ thường được sử dụng trong sổ địa bạ:

- *Kiểu chữ thịnh hành:* viết thanh mảnh, kéo dài các nét bên trái, to đậm và ngắn các nét bên phải, phổ biến trong tài liệu có niên đại chúa Nguyễn, Tây Sơn, Gia Long và một vài năm đầu vua Minh Mạng.

- *Kiểu chữ chân:* thường dùng trong các tài liệu có niên đại vua Minh Mạng thay đổi kiểu chữ viết cho đến sau này.

- *Kiểu chữ thảo:* dùng trong các văn bản ghi nhanh của làng xã và lời phê của quan chức.

Ngoài ra, chúng ta còn có thể xác định kích thước của các sổ địa bạ, các dấu triện thông hành trong văn bản triều Nguyễn. Qua các thông tin khai thác được từ phương pháp phê phán sử liệu bề ngoài có thể xác định văn bản địa bạ khai thác từ Trung tâm Lưu trữ quốc gia là nguyên bản hay sao chép, là văn bản gốc hay văn bản giả mạo.

* **Phê phán bên trong:** tiếp cận và phê phán bên trong sử liệu địa bạ triều Nguyễn thông thường được thực hiện theo 2 phương pháp cơ bản⁹: tiếp cận theo diện rộng và tiếp cận theo chiều sâu:

- Tiếp cận theo diện rộng: Là phương pháp khai thác các thông tin cơ bản của nội dung địa bạ về các đơn vị hành chính, về diện tích các loại ruộng đất... Qua đó, chúng ta có thể tổng hợp và thống kê các số liệu cơ bản về diện tích ruộng đất của các đơn vị hành chính đã được ghi nhận trong địa bạ nhằm “*làm nổi bật những nét chính yếu của chế độ sở hữu ruộng đất nói riêng và của nền hành chính nói chung*”¹⁰. Tiếp cận thông tin địa bạ triều Nguyễn theo hướng là hàng loạt công trình dịch thuật và nghiên cứu tổng quan về địa bạ triều Nguyễn ở Nam Kỳ và Trung Kỳ của Nguyễn Đình Đầu. Tuy tác giả chỉ cung cấp những thông tin cơ bản về địa bạ nhưng thành quả vô cùng quý giá và bước đầu “*đặt lại một số vấn đề buộc các nhà khoa học phải kiểm tra lại nhận thức cũ của mình*”¹¹. Phương pháp này thuận lợi trong nghiên cứu tổng quan về tình hình ruộng đất góp phần định hướng phân tích chuyên sâu về tình hình quản lý, sở hữu ruộng đất và canh tác nông nghiệp.

- Khai thác theo chiều sâu: Là sự kết hợp giữa phương pháp tổng hợp thông tin tổng quan với phương pháp phân tích nội dung thông tin một cách chuyên sâu trong mỗi nội dung địa bạ được khai thác. Tiếp cận theo hướng này có thể kể đến hai tập chuyên khảo đầu tiên Địa bạ Hà Đông (1995) và Địa bạ Thái Bình (1997) do Phan Huy Lê chủ biên. Phương pháp này tuy mất nhiều thời gian và công sức nhưng sẽ phác họa tổng thể với nhiều nội dung có giá trị về sở hữu đất đai và kinh tế nông nghiệp ở các địa phương dưới triều Nguyễn. Những nội dung địa bạ nếu không áp dụng phương pháp phân tích chuyên sâu thì khó có thể khai thác hết giá trị thông tin của địa bạ triều Nguyễn để phục vụ cho nghiên cứu và học tập.

Trường hợp cụ thể đối với địa bạ huyện Hà Châu – tỉnh Hà Tiên năm Minh Mạng thứ 17 (1836) được khai thác nội dung, phân tích và đối chiếu với chính sử triều Nguyễn bằng phương pháp phê phán theo chiều sâu như sau:

Qua thống kê 44 địa bạ huyện Hà Châu cho thấy, diện tích ruộng đất công ở huyện Hà Châu là 158 mẫu chiếm 21,48% tổng diện tích ruộng đất của huyện.

Bảng 1: Thống kê diện tích ruộng đất công

Đơn vị tính: mẫu. sào. thước. tấc

TT	Tổng	Tổng diện tích	Ruộng đất công	Tỉ lệ %
1	Hà Nhuận	48.7. 2.6	2.7. 1.5	5,56
2	Hà Thanh	255.2. 0.1	109.5. 7.1	42,93
3	Nhuận Đức	88.3.14.0	15.2. 2.7	17,22
4	Phú Quốc	17.3.11.3	11.3. 4.5	65,21
5	Thanh Di	329.0. 1.4	19.8. 9.5	6,04
Tổng cộng		738.6.14.4	158.6.10.3	21,48

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836)

⁹ Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội, tập 1*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

¹⁰ Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội, tập 1*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr.12.

¹¹ Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội, tập 1*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr.12.

Theo đó, tổng Hà Thanh có diện tích ruộng đất công nhiều nhất huyện với hơn 109 mẫu. Tổng Hà Thanh có vị trí tiếp giáp với sông Giang Thành nối liền đầm Đông Hồ và nhiều kênh rạch thông ra biển nên việc khai khẩn đất đai của quân đồn trú dễ dàng hơn. Mặt khác, đây còn nơi đặt lỵ sở của tỉnh Hà Tiên “*trước kia tỉnh lỵ Hà Tiên ở xã Mỹ Đức huyện Hà Châu, năm Minh Mệnh thứ 9 dời đến thủ sở Giang Thành, năm thứ 14 lại dời về chỗ cũ*”¹². Do vậy, dân cư tập trung sinh sống đông đúc ở khu vực trung tâm, căn cứ theo nguyên tắc lập công thổ thì đất dân cư ở huyện Hà Châu được xác định là công thổ. Vì thế, tổng Hà Thanh có diện tích ruộng đất công lớn hơn so với các tổng còn lại của huyện Hà Châu.

Trong khi đó, tổng Hà Nhuận có diện tích ruộng đất công nhỏ nhất huyện Hà Châu với khoảng 2 mẫu. Địa phận của tổng Hà Nhuận ở nửa đầu thế kỷ XIX tương ứng với các phần đất thuộc lãnh thổ Campuchia tiếp giáp với biên giới Việt Nam tại thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang ngày nay, do điều kiện tự nhiên nơi đây còn nhiều khó khăn nên việc thực hiện chính sách khai hoang của nhà nước còn nhiều hạn chế ở khu vực này. Mặt khác, tình hình xã hội nơi đây luôn xáo trộn, mãi đến năm 1836 thì phần lớn các xã thôn được tái lập và đo đạc ruộng đất. Vì thế, quá trình khai hoang gần như thực hiện lại từ đầu.

Riêng tổng Phú Quốc, diện tích ruộng đất công, chủ yếu là công thổ chiếm tỉ lệ lớn so với tổng diện tích ruộng đất của tổng. Do điều kiện địa hình hải đảo nên thuận lợi cho đánh bắt thủy hải sản và là nơi diễn ra các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa. Chính vì thế, phần lớn đất đai của tổng Phú Quốc là đất dân cư nên xếp vào hạng công thổ.

Tổng số diện tích ruộng đất tư và tỉ lệ so sánh được thống kê ở bảng 3

Bảng 2: Thống kê diện tích các loại ruộng đất ở huyện Hà Châu

Đơn vị tính: mẫu. sào. thước. tấc

TT	Tổng	Tổng diện tích	Tỉ lệ %	Tư điền, tư thổ	Tỉ lệ %
1	Hà Nhuận	48.7. 2.6	100	46.0. 1.1	94,44
2	Hà Thanh	255.2. 0.1	100	145.6. 8.0	57,07
3	Nhuận Đức	88.3.14.0	100	73.1.11.3	82,78
4	Phú Quốc	17.3.11.3	100	6.0. 6.8	34,79
5	Thanh Di	329.0. 1.4	100	309.1. 6.9	93,96
Tổng cộng		738.6.14.4	100	580.0. 4.1	78,52

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836)

Kết quả thống kê cho thấy, diện tích ruộng đất tư hữu ở huyện Hà Châu là 580.0.4.1 chiếm tỉ lệ 78,52% tổng diện tích ruộng đất. So sánh với diện tích hiện nay chỉ chiếm 0,18% tổng diện tích vùng Hà Tiên, Kiên Lương và Phú Quốc. Nếu so sánh với diện tích ruộng đất tư ở Nam Kỳ thì ruộng đất tư ở huyện Hà Châu rất nhỏ, ví dụ như: tổng Lợi Trinh (Định Tường) là

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Viện Sử học biên dịch, Tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.12.

17442.1 mẫu, tổng Hòa Lạc (Gia Định) là 23402.5 mẫu, tổng Bảo Ngãi (Vĩnh Long) là 1164.4 mẫu, tổng An Thạnh (An Giang) là 642.9 mẫu...¹³

Có sự khác biệt khi Hà Tiên là tỉnh có diện tích ruộng đất tư thấp nhất ở Nam Kỳ với 22,90%¹⁴, ngược lại huyện Hà Châu có tỉ lệ diện tích ruộng đất tư khá lớn với 78,52%. Điều này cho thấy, sự phát triển của ruộng đất tư hữu ở Hà Châu do được khai phá và canh tác lâu đời hơn so với các khu vực khác của tỉnh Hà Tiên như huyện Long Xuyên, Kiên Giang. Trong tổng diện tích ruộng đất tư thì diện tích ruộng tư là 271.641 chiếm 36,77% và diện tích đất tư là 308.400 chiếm 41,75% trong tổng diện tích ruộng đất ở huyện Hà Châu.

Đất tư có diện tích lớn hơn so với ruộng tư do đặc điểm địa hình huyện Hà Châu là núi đồi tương đối cao và thổ nhưỡng nơi đây không đạt được phì nhiêu tốt nhất cho việc trồng lúa nước. Ngoại trừ một số khu vực trung tâm lỵ sở Hà Tiên và khu vực quanh sông Giang Thành vẫn có thể trồng lúa, chủ yếu là sơn điền nhờ vào nguồn nước lưu thông từ kênh Vĩnh Tế đến sông Giang Thành “*những vùng thuận tiện giao thông, ngoại thương, gần nguồn nước ở thượng nguồn sông Hậu, hạ lưu sông Tiền, giáp vịnh Thái Lan và dọc sông Cửu Long (Hà Tiên – Kiên Giang), Định Tường (Tiền Giang), An Giang, Vĩnh Long (Cửu Long) là khu vực sầm uất nhất, lấy sản xuất lúa nước làm chính, vụ lúa nằm trọn trong mùa mưa, hoàn toàn nhờ nước trời*”¹⁵. Điều này đã ảnh hưởng đến việc mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp, đặc biệt là diện tích trồng lúa ở vùng này.

Qua kết quả thống kê và phân tích địa bạ, nhóm nghiên cứu bước đầu đưa ra một số nhận xét dựa trên số liệu so sánh được như sau:

+ *Ruộng đất ở huyện Hà Châu có sự chênh lệch lớn trong phân phối*: Sở hữu ruộng đất ở huyện Hà Châu có sự chênh lệch về diện tích và tỉ lệ diện tích giữa các tổng và giữa các xã, thôn trong cùng tổng. Tổng sở hữu chưa đầy 20 mẫu ruộng đất, điển hình là tổng Phú Quốc trong khi đó có tổng sở hữu hàng trăm mẫu ruộng đất như tổng Hà Thanh và tổng Thanh Di. Tình hình phân phối diện tích ruộng đất giữa các xã, thôn cũng tương tự khi có chủ sở hữu từ 10 đến 15 mẫu, ngược lại có chủ chỉ canh tác từ 1 đến 2 sào ruộng đất. Sự chênh lệch còn thể hiện ở cơ cấu diện tích giữa các loại hình ruộng đất: diện tích quan điền, quan thổ; diện tích ruộng đất công và diện tích ruộng đất tư. Vì thế đã phản ánh được xu thế phát triển mạnh của tình hình tư hữu ruộng đất ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX. Nhìn chung, sự chênh lệch trong phân phối ruộng đất là điều tất yếu vì phụ thuộc vào các yếu tố đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế, xã hội và nguồn nhân lực ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX.

+ Ruộng đất tư hữu chiếm ưu thế so với các loại hình sở hữu ruộng đất công: Nửa đầu thế kỷ XIX, phần lớn đất đai tỉnh Hà Tiên nói chung chưa được khai khẩn nhiều và dân cư hầy còn thưa thớt, đặc biệt là khu vực có địa hình thấp như huyện Kiên Giang và Long Xuyên. Nhờ vào sự hỗ trợ của nhà nước nên diện tích canh tác được mở rộng, đồng nghĩa với đó là ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước được xác lập. Vì thế đã làm tăng tỉ lệ diện tích ruộng đất

¹³ Trần Thị Thu Lương (1994), *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XIX*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr.65.

¹⁴ Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.122.

¹⁵ Kim Khôi (1981), “*Vài nét về quá trình khai thác nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long*”, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. 6(201), 25 – 35, tr.26.

thuộc sở hữu công ở tỉnh Hà Tiên cao nhất trong tổng diện tích ruộng đất ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, có một thực tế trái ngược khi diện tích ruộng đất tư hữu ở huyện Hà Châu là 580/738 mẫu chiếm 78,52% và ruộng đất công chỉ có 50/738 mẫu chiếm 6,84%, riêng ruộng công chỉ có 15 mẫu (2,08%) và đất công là 35 mẫu (4,75%). Tỷ lệ này phù hợp với xu thế chung của tình hình sở hữu ruộng đất ở Nam Kỳ nhưng lại là nét đặc trưng riêng ở tỉnh Hà Tiên vào nửa đầu thế kỷ XIX. Điều này cho thấy, xu hướng phát triển mạnh mẽ của hình thức tư hữu ruộng đất ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỷ XIX, đồng thời phản ánh nhiều khó khăn của triều đình trong việc thực hiện chính sách công điền công thổ đối với Nam Kỳ nói chung và huyện Hà Châu nói riêng. Có thể nói, tư hữu ruộng đất ở huyện Hà Châu là sản phẩm khách quan của lịch sử. Mặc dù, khi lập địa bạ đã kết hợp với việc thực hiện chính sách công điền công thổ đối với vùng đất này ở một mức độ nhất định nhưng ruộng đất tư hữu ở huyện Hà Châu vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với ruộng đất thuộc sở hữu công.

3.3 Nhận xét và trao đổi

Địa bạ triều Nguyễn là loại tài liệu gốc mang giá trị khoa học cao, được xem như là “*quốc bảo*” về chế độ sở hữu ruộng đất của Việt Nam dưới triều Nguyễn như lời nhận xét của tác giả Nguyễn Thu Hoài “*Có thể nói sưu tập Địa bạ triều Nguyễn hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I là một sưu tập tài liệu đặc biệt quý hiếm. Trong bối cảnh các tài liệu Hán Nôm hiện còn lưu giữ được đến ngày nay quá ít ỏi thì một sưu tập tài liệu tương đối lớn, đầy đủ và phong phú như sưu tập Địa bạ triều Nguyễn quả là thứ báu vật quốc gia. Giá trị của nó không chỉ dừng ở những nội dung thông tin, mà bản thân tài liệu trải qua thời gian đã trở thành những cổ vật vô cùng quý giá. Với kỹ thuật chế tác độc đáo trên giấy dó, ngôn ngữ thể hiện bằng chữ Hán và chữ Nôm cùng với cách trình bày và các dấu triện đặc trưng của thời Nguyễn... Địa bạ đã giúp các nhà nghiên cứu rất nhiều tư liệu cho việc nghiên cứu của nhiều ngành khoa học*”¹⁶. Vì thế, với phương pháp xử lý sử liệu học chuyên biệt đối với tài liệu địa bạ sẽ góp phần đánh giá sự đúng đắn và khẳng định giá trị khoa học khách quan của tài liệu địa bạ trong công tác nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

Với phương pháp xử lý sử liệu học hiệu quả đối với văn bản Hán – Nôm như trường hợp tài liệu địa bạ triều Nguyễn, đặc biệt là phương pháp phê phán tổng hợp (phê phán bên ngoài và phê phán bên trong) đã tạo cơ sở nhận biết sự kiện lịch sử trên bình diện tổng thể theo một tập hợp có hệ thống. Mặt khác, với phương pháp xử lý sử liệu này còn làm sáng tỏ các mối quan hệ giữa các mặt khác nhau của vấn đề lịch sử một cách toàn vẹn, giữa các bộ phận của sử liệu nhằm phát hiện ra tính tương tác bên trong, bản chất và quy luật nội hàm của các sự kiện, hiện tượng hay biến cố lịch sử. Qua đó, người học sẽ khai thác những giá trị khoa học trong nội dung tài liệu địa bạ, sử dụng một cách phù hợp trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, tạo nên sức thuyết phục và rung cảm của sinh viên đối với các giá trị lịch sử mà cha ông đã để lại.

Việc vận dụng một cách khoa học và hiệu quả phương pháp xử lý sử liệu học đối với sử liệu văn bản nói chung và tài liệu địa bạ triều Nguyễn nói riêng trong nghiên cứu lịch sử sẽ góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử Việt

¹⁶ <https://luutru.gov.vn/dia-ba-trieu-nguyen:-mot-su-u-tap-quoc-bao-ve-tu-lieu-han-nom-tai-viet-nam-140-vtlt.htm>

Nam. Qua đó, khoa học lịch sử được nhìn nhận và đánh giá khách quan và tiệm cận với hiện thực của nó sẽ bổ sung, điều chỉnh các nhận thức sai lầm trong khoa học giáo dục lịch sử đối với thế hệ trẻ. Ngoài ra, ứng dụng phương pháp xử lý sử liệu học này trong giảng dạy lịch sử cho sinh viên chuyên ngành lịch sử còn góp phần vào việc rèn luyện, phát triển kỹ năng học tập và nghiên cứu cho sinh viên như kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, phát triển tư duy nghiên cứu độc lập, phát triển kỹ năng thực hành và nghiên cứu tư liệu, hệ thống hóa được phương pháp dạy và học lịch sử với tư liệu gốc. Đồng thời còn giáo dục niềm đam mê học tập và nghiên cứu lịch sử cho thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, để có thể vận dụng tốt phương pháp xử lý sử liệu học đòi hỏi người nghiên cứu cần nắm vững nền tảng căn bản của phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử, bên cạnh đó còn yêu cầu cao về sự hiểu biết Hán tự để giải mã tài liệu và các kỹ năng tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu lịch sử. Có như vậy, kết quả nghiên cứu sử liệu mới đảm bảo chính xác về mặt khoa học và khả năng ứng dụng cao trong giảng dạy lịch sử. Mặt khác, tài liệu địa bạ thuộc loại tài liệu lưu trữ quốc gia mang tính chất “quý hiếm” nên việc khai thác và trích lục tài liệu địa bạ cần tính đến hiệu quả về thời gian, năng lực và kinh tế của nghiên cứu viên. Do vậy cần cân nhắc lựa chọn khai thác những nội dung cần thiết có liên quan đến bài học lịch sử và thuận lợi trong nghiên cứu về địa phương. Ví như khai thác địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh sẽ phù hợp hơn đối với sinh viên ở trường Đại học Cần Thơ trong học tập.

4. KẾT LUẬN

Nguồn sử liệu Hán – Nôm nói chung và tài liệu địa bạ triều Nguyễn là một trong số nguồn sử liệu có giá trị lịch sử và khoa học quý giá với những kho tàng lịch sử - văn hóa ẩn mình trong các tài liệu ấy. Việc giải mã các tài liệu địa bạ triều Nguyễn đòi hỏi phương pháp nghiên cứu phù hợp: phương pháp xử lý sử liệu là một trong số các phương pháp khai thác và giải mã thông tin khoa học hữu hiệu đối với loại tài liệu văn bản Hán – Nôm này. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp xử lý sử liệu học cần tuân thủ theo trình tự các bước thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học nhằm phác họa và phản ánh chân thực, khách quan hiện thực lịch sử. Việc ứng dụng phương pháp xử lý sử liệu học đúng đắn và khoa học không chỉ phát hiện và khai thác tiềm năng thông tin lịch sử từ kho tàng sử liệu địa bạ phục vụ trong nghiên cứu lịch sử mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ và góp phần đào tạo nâng cao tay nghề chuyên sâu cho sinh viên ngành lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (2018), *Phương pháp Sử học: Những nguyên tắc căn bản*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Phạm Xuân Hằng (chủ biên) (2017), *Đại cương sử liệu học và các nguồn sử liệu chữ viết Lịch sử Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Kim Khôi (1981), “*Vài nét về quá trình khai thác nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long*”, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. 6(201), 25 – 35.

5. Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội, tập 1*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
6. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (2003), *Phương pháp luận sử học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Trần Thị Thu Lương (1994), *Chế độ sở hữu và canh tác ruộng đất ở Nam Bộ nửa đầu thế kỉ XIX*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Viện Sử học biên dịch, Tập 5, Nxb Thuận Hóa, Huế.
9. <https://luutru.gov.vn/dia-ba-trieu-nguyen:-mot-suu-tap-quoc-bao-ve-tu-lieu-han-nom-tai-viet-nam-140-vtlt.htm>